TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số:48/2017/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2017
V/v:"Hôn nhân và gia đình
- Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Vũ Quang Hưng;

2. Bà: Phạm Thị Thu Trang,

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Thiên Ân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện-Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc: "*Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị C, sinh năm 1976 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1969 (vắng mặt),

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị C trình bày:*** Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng sống chung thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông và ứng xử với gia đình vợ con khó khăn. Ngoài ra, anh T còn có quen biết và sống chung với người phụ nữ khác. Từ đó vợ chồng cắt đứt quan hệ và đã ly thân từ tháng 12 năm 2005. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn.

- Về quan hệ con cái: Có một con chung tên P, sinh năm 1995 đã có việc làm ổn định và đang sống chung với chị.

- Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 9 năm 2017 và lời trình bày của bị đơn anh T được ghi nhận trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và đối chất về con cái, về tài sản và nợ như sau:*** Anh T xác định lời trình bày của chị C là đúng. Tại Tòa án anh T đồng ý ly hôn với chị C, về con cái đã trưởng thành, tùy con theo ai thì người đó có trách nhiệm trông nôm, dạy dỗ, anh không có ý kiến gì, về tài sản và nợ thì không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 18 tháng 9 năm 2017, Tòa án tiến hành mỡ phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối chất đối với hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn về phần con cái, tài sản và nợ để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết phần con cái trong vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị C và anh T và đã được chị C và anh T thống nhất tự thỏa thuận được với nhau như sau: Chị C và anh T xác định con cái đã lớn, trưởng thành, có việc làm ổn định, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản và nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu, còn anh T vắng mặt.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về thủ tục tố tụng*: Anh T có đơn đề nghị xử vắng mặt, xét thấy phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩ nên chấp nhận.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa chị C và T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 và hai người đã có một con chung nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình:

"*Khoản 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống vối nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và*

hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này…".

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị C và T không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận là vợ chồng giữa chị C đối với anh T.

[4] Về con cái: Chi C và anh T có một con chung tên P, sinh năm 1995 đã có việc làm ổn định và đang sống chung với chị C. Anh T và chị C đã thỏa thuận được và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

[5] Về tài sản và nợ: Anh T và chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình:

- Xử: Không công nhận giữa chị C đối với anh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận và miễn xét;

3. Về tài sản của vợ chồng và quyền, nghĩa vụ về tài sản: Miễn xét;

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử buộc chị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007493, ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30 tháng 11 năm 2017, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã, thị trấn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ Tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.